

TIẾP CẬN QUYỀN LỰC TƯ PHÁP VÀ VIỆC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CỦA TOÀ ÁN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ

*Chu Thị Trang Vân**

Áp dụng pháp luật (ADPL) là hoạt động chủ động của Nhà nước, do vậy, về nguyên tắc Nhà nước là chủ thể duy nhất của ADPL thông qua các cơ quan của mình. Đối với hoạt động ADPL hình sự, chủ thể là các cơ quan tư pháp hình sự (TPHS). Tuỳ thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể và những khác biệt về văn hoá, các cơ quan TPHS có thể được tổ chức khác nhau ở những giai đoạn khác nhau hoặc ở những nước khác nhau. Tuy nhiên, dù được tổ chức theo bất cứ hình thức nào, các cơ quan TPHS cũng xoay quanh một trục chính được xác định bởi ba chức năng chủ yếu là điều tra, truy tố và xét xử, trong đó, xét xử là chức năng được hình thành sớm nhất, có lịch sử lâu đời nhất và có tính phổ biến nhất. Các chức năng này đến lượt mình lại là nội dung của “quyền lực tư pháp” (QLTP), một trong ba nhánh chủ yếu của quyền lực Nhà nước.

Ngày nay, ở tất cả các hệ thống pháp luật trên thế giới, Toà án nếu không phải là chủ thể duy nhất thì cũng là chủ thể trung tâm của hoạt động ADPL hình sự, đồng thời cũng là chủ thể trung tâm của QLTP. Vai trò đặc biệt của Toà án bắt nguồn từ một quá trình phát triển lâu đời, gắn liền với sự hình thành QLTP trong lịch sử.

1. Quyền lực tư pháp

Tư pháp là hoạt động phân xử và phán xét tính đúng đắn và tính hợp pháp của các hành vi¹, tư pháp còn “là pháp đình y theo pháp luật mà xét định các việc ở trong vi phạm pháp luật”². Ngay từ buổi ban đầu,

QLTP đã mang hai nội dung chính, đó là: (1) Phán xét đối với những hành vi vi phạm pháp luật và (2) Phân xử những tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội. Nói một cách chung nhất, QLTP là quyền lực xét xử và thuật ngữ “tư pháp xét xử” lần đầu tiên đã được sử dụng trong Bộ luật Hammurabi, một đạo luật được ban hành từ 1700 năm TCN. Tuy nhiên, trước khi có Nhà nước và pháp luật, các hoạt động phân xử, phán xét mà sau này được gọi là QLTP đã xuất hiện ngay trong các công xã nguyên thủy và thuộc về các thiết chế xã hội. Lúc đó, việc phán xét, phân xử là thẩm quyền của thủ lĩnh các bầy tộc hay lớn hơn là các Hội đồng bộ lạc. Các thiết chế của xã hội nguyên thủy này không những chỉ nắm các quyền quan trọng như tuyên chiến, đình chiến, phân chia chiến lợi phẩm cướp được trong chiến tranh mà còn trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của công xã, trong đó bao gồm cả việc phán xét, phân xử³. Mặc nhiên, trong điều kiện chưa có pháp luật, việc phán xét, phân xử không thể dựa trên pháp luật mà được dựa trên các phong tục, tập quán và tôn giáo đã có từ trước như là những nguyên tắc tồn tại căn bản của cộng đồng. Ngày nay, dấu vết của các tập tục phân xử cộng đồng không chỉ được tìm thấy trong các tư liệu lịch sử hay trong các di chỉ khảo cổ. Nhờ những tập tục, truyền thống và tôn giáo, việc phán xét và phân xử cộng đồng vẫn còn tiếp tục tồn tại đến ngày nay ngay trong lòng của những xã hội có nhà nước và pháp luật. Trong một số trường hợp nhất định, vai trò của cộng đồng trong việc phân xử, giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn còn được chính nhà

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia HN

¹ PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung: *Thế chế tư pháp trong nhà nước pháp quyền*, NXB Tư pháp, 2004, trang 11.

² Đào Duy Anh: *Hán - Việt Từ điển*, NXB Thành phố HCM, 1996.

³ Trường ĐHTH Hà Nội (Khoa Luật) (1993), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới*, trang 5, 6.

nước thừa nhận và đề cao như công cụ quan trọng để điều chỉnh đời sống xã hội.

Sự ra đời của nhà nước và pháp luật đã chuyển hoá quyền phán xét và phân xử của cộng đồng thành một bộ phận quan trọng của quyền lực Nhà nước và được bảo vệ bằng pháp luật. Tuy nhiên, trong những Nhà nước cổ xưa, QLTP không phải ngay từ đầu đã là một nhánh quyền lực Nhà nước độc lập. Tiếp nối những truyền thống quản lý xã hội theo kiểu công xã, đồng thời chịu ảnh hưởng từ những tâm thức tôn giáo về sự cai trị tuyệt đối của Đấng Tối Cao, Nhà nước đã được xác lập để thay thế công xã, người đứng đầu Nhà nước thay thế cho những thủ lĩnh hay những Hội đồng bộ lạc và có vai trò đại diện cho Đấng Tối Cao để cai trị xã hội. Người đứng đầu Nhà nước do đó tập trung trong tay tất cả mọi thứ quyền lực: có quyền nói lên những ý muốn của Đấng Tối cao và coi đó là luật, có quyền điều hành các hoạt động của xã hội, và có cả quyền phán xét đối với những kẻ dám xâm phạm đến luật. Đó cũng chính là các quyền mà sau này người ta gọi là quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Cách thức tổ chức quyền lực Nhà nước theo nguyên tắc tập quyền triệt để này đã tồn tại trong phần lớn lịch sử của nhà nước và pháp luật.

Để thực hiện quyền lực Nhà nước, các vị Vua và Hoàng đế thời cổ đại và trung cổ đã biết tổ chức nên bộ máy nhà nước với tư cách thuần túy là một bộ máy giúp việc chứ không phải là nơi để chia sẻ quyền lực. Bộ máy tư pháp cũng đã được hình thành từ rất sớm. Ở Ai Cập cổ đại, một bộ máy tư pháp khá hoàn chỉnh đã được các Pharaon hình thành ngay từ đầu để đáp ứng yêu cầu cai trị xã hội. Pharaon – người truyền đạt ý nguyện của Chúa Trời cho con người chính là người xét xử cao nhất. Giúp việc cho sự phán xét của thần thánh là một cơ quan chuyên môn gồm 6 viện, đứng đầu là Viện chương lý với rất nhiều nhân viên phục vụ⁴. Ở Babylonia

cổ đại, cùng với việc ban hành bộ luật nổi tiếng, vua Hammurabi cũng đã thành lập Tòa án tối cao để giúp việc cho mình với một Hội đồng thẩm phán gồm các bộ lão có uy tín trong xã hội. Như vậy, mặc dù được hình thành từ rất sớm và đóng vai trò là một bộ phận quan trọng của bộ máy cai trị nhưng bộ máy tư pháp hoàn toàn không mang tính chất là một nhánh của quyền lực nhà nước để chia sẻ với quyền lực tối cao của các hoàng đế. Vai trò của nó bị che lấp bởi các hoàng đế. Nó có bốn phận là bộ máy giúp việc trung thành cho các hoàng đế để thực hiện một cách triệt để quyền lực thiêng liêng là phán xét và phân xử. Trong Kinh Cựu Ước, vị quan toà nổi tiếng nhất chính là vua Salomon mà với sự anh minh của mình, ông đã phân xử việc tranh chấp con của hai người đàn bà bằng cách vờ ra lệnh chặt đứa trẻ làm đôi để nhìn thấy tình thương của người mẹ đích thực⁵. Trong suốt thời kỳ trung cổ, chỉ có một biệt lệ duy nhất về sự chia sẻ QLTP của hoàng đế cho bộ máy tư pháp. Vào năm 1215, khi ký vào bản Đại hiến chương Magna Carta, hoàng đế của nước Anh đã nhường một số quyền tư pháp cho các quan lại và nhân dân và lần đầu tiên trong lịch sử, một vị hoàng đế đã chấp nhận rằng mình có thể phải tôn trọng các đạo luật⁶.

Trong suốt thời kỳ cổ đại và trung cổ, QLTP cũng bị chi phối bởi hai xu hướng chính trong cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, đó là: tập trung, thống nhất và cát cứ, chia cắt. Những cuộc chiến tranh liên miên để tranh giành quyền lực được thúc đẩy bởi những lợi ích từ đất đai, tài nguyên và nô lệ đã làm hình thành những đế quốc to lớn nhưng cũng đồng thời là nguyên nhân chia rẽ một đế quốc to lớn thành nhiều quốc gia nhỏ hơn. Điều đó đã diễn ra ở khắp các nhà nước quốc gia từ Ai cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp và La Mã... Trong những giai

⁴ Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới (1993)..., Sdd, Trang 23.

⁵ Pearl Buck (Giải Nobel Văn học) (2001), Chuyện Kinh thánh, NXB Văn học, trang 310, 311.

⁶ Bách khoa tri thức phổ thông (2001), NXB Văn hoá thông tin, trang 310.

đoạn chia cắt, cát cứ, khi quyền lực nhà nước Trung ương suy yếu và bị chia nhỏ thì QLTP cũng bị chia nhỏ bởi sự trỗi dậy của các thế lực địa phương. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn khác so với những gì mà sau này người ta gọi là “phân quyền” bởi lẽ ngay cả khi được chia nhỏ, quyền lực Nhà nước cát cứ vẫn chỉ là bản sao nguyên vẹn của quyền lực Nhà nước Trung ương và một vị hoàng đế đây quyền uy tuyệt đối trước đây chẳng qua là được thay bằng nhiều vị hoàng đế tuy nhỏ hơn nhưng cũng có quyền lực tuyệt đối và thêm nữa là đầy tham vọng. Trong những giai đoạn tập trung, thống nhất, sự hùng mạnh của nhà nước trung ương dẫn đến sự tập trung tuyệt đối quyền lực trong tay một vị hoàng đế và có ảnh hưởng trên một lãnh thổ rộng lớn với sự quy phục của các thế lực địa phương. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy mà Nhà nước trung ương đã không thể tự mình cai quản được tất cả mọi việc mà phải dựa vào bộ máy cai trị tại địa phương. Nhà nước trung ương vì thế đã phải chuyển giao một phần quyền lực nhà nước, trong đó có cả QLTP cho các địa phương để thay mặt mình cai trị xã hội. Như vậy, ngay trong những giai đoạn tập trung, thống nhất, QLTP về danh nghĩa thuộc về Nhà nước trung ương nhưng trên thực tế lại do chính bộ máy cai trị địa phương thực hiện.

Sự phân chia quyền lực Nhà nước thành các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp chỉ mới bắt đầu từ thời kỳ cách mạng tư sản cách đây không quá 300 năm. Về mặt tồn tại xã hội, thời kỳ này là thời kỳ lớn mạnh của giai cấp tư sản ngay trong lòng của xã hội phong kiến đến mức có thể công khai thách thức lại với các đặc quyền phong kiến. Về mặt ý thức xã hội, nhận thức của con người cũng có những biến đổi lớn lao, phản ánh đầy đủ và không kém gì cuộc đấu tranh đang diễn ra trong thực tại xã hội. Nhận thức được chuyển dân từ chỗ coi Thượng Đế là trung tâm sang một bước phát triển mới, coi Con Người là trung tâm; “*Mắt của Con Người đã hướng lên trời suốt bao nhiêu thế kỷ nay đã*

hướng vào bản thân mình”⁷ để tìm câu trả lời ngay trong thực tại xã hội. Khi người ta đã dám công khai nghi ngờ tính chất thần thánh của quyền lực nhà nước, khi mà những luận lý tôn giáo về bổn phận và sự phục tùng vô điều kiện phải đối diện với những thách thức to lớn từ việc nhận thức đầy đủ hơn về quyền, nghĩa vụ, khi mà địa vị thần dân bị xói mòn bởi sức công phá ngày càng tăng của một trào lưu mới đòi thừa nhận địa vị công dân..., thì khi đó, việc tập trung quyền lực tuyệt đối trong tay một vị hoàng đế ngày càng ít đi cơ sở để tồn tại. Sự phân chia quyền lực nhà nước giữa các thế lực phong kiến đang suy tàn với tầng lớp tư sản đang lớn mạnh đã diễn ra, bắt đầu ở quyền lực lập pháp và dần dần lan toả sang quyền lực hành pháp và QLTP. Nơi diễn ra sự phân chia ấy chính là bộ máy nhà nước. Suốt bao nhiêu thế kỷ, bộ máy nhà nước đã là nơi để phục vụ cho việc thực thi quyền lực của các hoàng đế thì nay lại là nơi chia sẻ quyền lực với các hoàng đế. Bộ máy tư pháp từng bước được tách khỏi bộ máy hành pháp, xác lập tính độc lập với bộ máy lập pháp và đại diện cho một nhánh quan trọng của quyền lực nhà nước - đó là QLTP.

QLTP là quyền lực xét xử dựa trên cơ sở của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật cũng như đối với những tranh tụng phát sinh trong đời sống xã hội. Như vậy, việc thực hiện QLTP có bản chất là hoạt động ADPL của nhà nước thông qua bộ máy tư pháp. Do thùo ban đầu, pháp luật đều mang tính hình sự và điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng cách quy định về tội phạm về hình phạt nên QLTP lúc đầu cũng mang tính chất hình sự và có bản chất là hoạt động ADPL hình sự. Dần dần về sau này cùng với sự phát triển của xã hội, pháp luật trở nên phong phú hơn do phải thích ứng để điều chỉnh các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp hơn thì trong bản thân hệ thống pháp luật bắt

⁷ E.E.Nexmeyanov, Trường Đại học quốc gia Lômônôxốp (2004), *Triết học – Hỏi và Đáp*, NXB Đà Nẵng, trang 186.

đầu xuất hiện sự phân chia thành các ngành luật và ly khai khỏi pháp luật hình sự. QLTP do vậy cũng được mở rộng sang các lĩnh vực pháp luật khác chứ không phải chỉ trong lĩnh vực hình sự.

2. Toà án và sự thống nhất quyền lực tư pháp

Nếu như QLTP chính là quyền lực xét xử thì Toà án chính là chủ thể trung tâm của quyền lực xét xử và gần như nó được hình thành cùng với việc các nhà nước đầu tiên tổ chức nên bộ máy nhà nước và ADPL để cai trị xã hội. Ngay từ khi còn bị coi là bộ máy giúp việc cho các hoàng đế cổ đại và trung cổ, Toà án đã là biểu tượng thiêng liêng của công lý, là sự hiện diện sống động của pháp luật với đầy đủ tính chất nghiêm khắc vốn có của nó, là hình ảnh rất thực tế về nhà nước với sức mạnh của một thứ quyền lực không thể vượt qua.

Trong tiếng La tinh, Toà án được gọi là Forum hay Comitata – có nghĩa “Nơi công cộng”, “Công đường” hay “Nơi họp các hội nghị nhân dân”. Điều này đã được ghi trong Luật 12 Bảng đồng (Duedecim Tabulae) vào khoảng giữa thế kỷ thứ 3 TCN⁸. Tuy nhiên, các thuật ngữ như “Toà án”, “Quan toà” hay “Xét xử” đã được quy định trong pháp luật từ sớm hơn thế rất nhiều trong Bộ luật Hammurabi vào khoảng 1700 năm TCN⁹. Bộ luật này lại được xây dựng trên cơ sở những pháp điển đã có từ trước của người Sumer đã chứng tỏ rằng không phải chỉ đến thời vua Hammurabi, cư dân ở vùng Lưỡng Hà ngay từ thời kỳ cổ đại đã rất quen thuộc với “Toà án”, các “Quan toà” và hoạt động “xét xử”. Toà án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền lực xét xử hay quyền lực tư pháp. Ở Trung Quốc, bộ máy tư pháp ở trung ương thời cổ đại và trung cổ không gọi là Toà án mà được gọi Bộ Hình. Trong kết cấu “Lục Bộ” điển hình của các triều đại phong kiến Trung Quốc, Bộ Hình là thiết chế duy nhất

có chức năng trông coi việc điều tra, xét xử, thi hành các hình phạt và cai quản các nhà ngục. Ở địa phương, bộ máy tư pháp mặc dù không được tổ chức một cách độc lập mà được đồng nhất với bộ máy hành pháp nhưng chỉ do một cơ quan thực hiện. Các quan lại địa phương vừa thực hiện chức năng của hành pháp là cai quản xã hội, vừa thực hiện quyền lực xét xử đối với những vi phạm pháp luật và những tranh tụng phát sinh trong đời sống xã hội. Cách thức tổ chức bộ máy theo kiểu này có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Mặc dù ở Trung Hoa, thuật ngữ “Toà án” không được sử dụng trong thời kỳ cổ đại và trung cổ nhưng “Công đường” như cách hiểu của người La Mã là nơi xét xử lại rất quen thuộc. Hình tượng về việc xét xử nơi “Công đường” đối với những người dân sinh sống trên dải hoàng thổ phì nhiêu của sông Hoàng Hà quen thuộc đến mức đã đi vào những truyền thuyết dân gian như một ước mơ về sự công bằng, giữa một xã hội còn nhiều bất công. Như vậy, trong lịch sử, QLTP là thống nhất và chỉ do một cơ quan thực hiện. Cơ quan đó vừa thực hiện chức năng điều tra, chức năng công tố, chức năng xét xử và kể cả việc thi hành các hình phạt mà chính nó phán quyết. Cơ quan đó sau này được gọi chung là Toà án.

Bước vào thời kỳ cận đại, cùng với sự phân chia quyền lực nhà nước, QLTP từng bước trở nên độc lập và tách khỏi sự ràng buộc với quyền lực hành pháp ở trung ương và địa phương. Bộ máy tư pháp mà trung tâm là các toà án theo đó cũng từng bước được hình thành và xác lập địa vị độc lập trong bộ máy nhà nước. Từ những tư tưởng về nhà nước pháp quyền có ảnh hưởng mạnh mẽ trong thời kỳ khai sáng, người ta dần dần ý thức được rằng bộ máy tư pháp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ pháp luật không những chỉ đối với xã hội mà quan trọng hơn là đối với chính quyền lực nhà nước. Khi pháp luật được hiểu như là một “Khế ước xã hội” để ràng buộc mọi người,

⁸ Bộ Thông sử thế giới vạn năm (2000), NXB Văn hoá Thông tin, trang 377.

⁹ Bộ Thông sử thế giới vạn năm... Sdd, trang 375

đánh đổi cái quyền được tự do làm hại người khác để đổi lấy quyền được xã hội bảo vệ khi bị người khác làm hại thì khi đó, người ta mới nhận ra rằng chính quyền lực và bộ máy nhà nước lại là nơi dễ vi phạm “Khế ước xã hội” nhất. Nằm trong tay quyền lực nhà nước, các cơ quan nhà nước dường như có khuynh hướng không thể kiểm soát nếu không sử dụng chính quyền lực nhà nước được trao cho những cơ quan độc lập với nhau. Tư tưởng dùng quyền lực để chế ngự quyền lực đã đặt nền móng cho việc hình thành một bộ máy tư pháp độc lập, đóng vai trò là những cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong các thể chế tư pháp, Tòa án luôn được xem là chủ thể trung tâm. Sự tham gia của các cơ quan khác nếu có vào bộ máy tư pháp cũng chỉ nhằm để giúp cho tòa án thực hiện quyền lực xét xử. Ở Việt Nam, hệ thống cơ quan tư pháp đầu tiên được thành lập sau Cách mạng Tháng 8 cũng có tính chất như vậy. Điều 63 Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định: “Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà gồm có: Tòa án tối cao, các Tòa án phúc thẩm, các Tòa án đệ nhị cấp và các Tòa án sơ cấp”. Như vậy, trên phương diện luật thực định, khái niệm “Tư pháp” thực chất được đồng nghĩa với hoạt động xét xử và hệ thống các cơ quan tư pháp chính là hệ thống các Tòa án. Tất nhiên, bên cạnh hoạt động xét xử của Tòa án, hoạt động tư pháp còn bao gồm một số hoạt động khác như công tố, điều tra tư pháp, giám sát tư pháp... nhưng các cơ quan thực hiện các hoạt động này đều là những bộ phận thuộc Tòa án¹⁰. Chẳng hạn trong những năm đầu giành được chính quyền nhân dân, việc thực hiện quyền công tố cũng do Tòa án đảm nhiệm, mặc dù có sự phân công rõ ràng giữa Thẩm phán xét

xử với Thẩm phán buộc tội (thực hành quyền công tố)¹¹.

Với bản chất là hoạt động ADPL, quyền lực xét xử của Tòa án được trải rộng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội cùng với quá trình mở rộng và phân chia trong nội tại của hệ thống pháp luật. Trong các lĩnh vực pháp luật về kinh tế, dân sự, hành chính hay lao động..., Tòa án chỉ là một trong các chủ thể của bộ máy Nhà nước có thẩm quyền ADPL để xét xử khi phát sinh những tranh chấp hay vi phạm. Bộ máy hành pháp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ADPL để hướng dẫn việc thực hiện pháp luật của các chủ thể có liên quan. Tuy nhiên trong lĩnh vực hình sự, vai trò của Tòa án có vị trí đặc biệt. *Toà án là cơ quan tập trung trong tay gần như toàn bộ quyền lực ADPL hình sự*. Tất cả các hoạt động ADPL hình sự của các cơ quan khác như cơ quan điều tra, viện kiểm sát... trong lĩnh vực hình sự đều nằm trong một hệ thống thống nhất dẫn đến hoạt động ADPL hình sự của Tòa án, bằng việc Tòa án, nhân danh quyền lực Nhà nước ra bản án, quyết định, xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

Việc nghiên cứu từ góc độ lịch sử trên đây cho thấy từ xa xưa Tòa án là cơ quan duy nhất nắm giữ quyền lực tư pháp – một trong 3 nhánh quyền lực cơ bản của Nhà nước. Sau này, do sự phát triển của xã hội, khi đề cập các cơ quan tư pháp, người ta còn nhắc đến những cơ quan khác như cơ quan điều tra, cơ quan công tố (Viện kiểm sát)... Nhưng phải khẳng định rằng từ thuở ban đầu trong lịch sử phát triển của mình, Tòa án là cơ quan trung tâm nắm giữ quyền phán xét trên cơ sở pháp luật đối với các vi phạm pháp luật và các tranh chấp trong đời sống xã hội. Điều này cũng là cơ sở lý luận – lịch sử cho vấn đề đặt trọng tâm công cuộc cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam chính là tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án.

¹⁰ GS.TSKH. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2002), *Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 52.

¹¹ Sắc lệnh 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch thẩm phán (Điều thứ 49 Mục A Tiết Thứ nhất)